

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)**

Khoa: Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Đức

Ngành: Ngôn ngữ Đức - Định hướng Tiếng Đức - Phiên dịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiền điều kiện
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng bổ trợ	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiền quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
<b>Tổng tín chỉ tích lũy</b>			<b>13</b>	

**CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**

**Năm học 2018-2019**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	GER4021	Tiếng Đức 1A	4	8
8	GER4022	Tiếng Đức 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
<b>Cộng</b>			<b>15</b>	<b>23</b>

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	GER4023	Tiếng Đức 2A	4	8
12	GER4024	Tiếng Đức 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>24</b>

**Năm học 2019-2020**

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8
15	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8
16	GER4027B	Tiếng Đức 3C	3	3
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc HK5)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>16-18</b>	<b>24-26</b>

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8
20	GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8
21	GER4030B	Tiếng Đức 4C (tổ chức theo đợt cụ thể)	4	4
22-23		<b>Học phần tự chọn (Khối II)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	GER1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
<b>Cộng</b>			<b>8-18</b>	<b>16-26</b>

**Năm học 2020-2021**

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	GER4030B	Tiếng Đức 4C (tổ chức theo đợt cụ thể)	4	4
25	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
26	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
27	GER3036	Kỹ năng nghiệp vụ Biên-Phiên dịch	3	3
28	GER3027	Lý Thuyết dịch	3	3
		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>12-18</b>	<b>12-18</b>

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
30	GER3029	Phiên dịch	3	3
31	GER3016	Biên dịch	3	3
32	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
33-34		<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo- Thụy Sĩ	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc/và 7)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>12-18</b>	<b>12-18</b>

**Năm học 2021-2022**

Học Kỳ 7				
----------	--	--	--	--

Học Kỳ 8				
----------	--	--	--	--



**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)**

Khoa: Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Đức

Ngành: Ngôn ngữ Đức - Định hướng Tiếng Đức - Du Lịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng bổ trợ	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.Lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.Lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
<b>Tổng tín chỉ tích lũy</b>			<b>13</b>	

**CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	GER4021	Tiếng Đức 1A	4	8
8	GER4022	Tiếng Đức 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
<b>Cộng</b>			<b>15</b>	<b>23</b>

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	GER4023	Tiếng Đức 2A	4	8
12	GER4024	Tiếng Đức 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>24</b>

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 3				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8
15	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8
16	GER4027B	Tiếng Đức 3C	3	3
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc HK5)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>16-18</b>	<b>24-26</b>

Học Kỳ 4				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8
20	GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8
21	GER4030B	Tiếng Đức 4C (tổ chức theo đợt cụ thể)	4	4
22&23		<b>Học phần tự chọn (Khối II)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	GER1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
<b>Cộng</b>			<b>8-18</b>	<b>16-26</b>

Năm học 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	GER4030B	Tiếng Đức 4C (tổ chức theo đợt cụ thể)	4	4
25	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
26	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	3
27	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
28	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
29	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên đã tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>15-21</b>	<b>15-21</b>

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
30	GER3029	Phiên dịch	3	3
31	GER3016	Biên dịch	3	3
32	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
33	TOU2003	Kinh tế du lịch	3	3
34-35		<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo- Thụy Sĩ	3	3
36-37		<b>Học phần tự chọn (V.3.2.1)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	3
	TOU2009	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3
	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 hoặc/và 7)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>12-24</b>	<b>12-24</b>

Năm học 2021-2022

Học Kỳ 7				
----------	--	--	--	--

Học Kỳ 8				
----------	--	--	--	--



**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)**

Khoa: Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Đức

Ngành: Ngôn ngữ Đức - Định hướng Tiếng Đức - Kinh tế

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng bổ trợ	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
<b>Tổng tín chỉ tích lũy</b>			<b>13</b>	

**CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	GER4021	Tiếng Đức 1A	4	8
8	GER4022	Tiếng Đức 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>23</b>

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	GER4023	Tiếng Đức 2A	4	8
12	GER4024	Tiếng Đức 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		<b>Cộng</b>	<b>16</b>	<b>24</b>

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8
15	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8
16	GER4027	Tiếng Đức 3C	3	3
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc 5)</i>				
		<b>Cộng</b>	<b>16-18</b>	<b>24-26</b>

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8
20	GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8
21	GER4030B	Tiếng Đức 4C (tổ chức theo đợt cụ thể)	4	4
22&23		<b>Học phần tự chọn (Khối II)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	GER1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		<b>Cộng</b>	<b>8-18</b>	<b>16-26</b>

Năm học 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	GER4030E	Tiếng Đức 4C (tổ chức theo đợt cụ thể)	4	4
25	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
26	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
27	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
28	GER3042	Tiếng Đức Kinh tế	3	3
29	INE1050	Kinh tế vi mô	3	3
		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
		<b>Cộng</b>	<b>15-21</b>	<b>15-21</b>

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
30	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
31	GER3016	Biên dịch	3	3
32	GER3029	Phiên dịch	3	3
33	INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	3
34-35		<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo- Thụy Sĩ	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 hoặc/ và 7)</i>				
		<b>Cộng</b>	<b>12-18</b>	<b>12-18</b>

Năm học 2021-2022



**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F1 (2018 - 2022)**

Khoa: Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Đức  
Ngành: Sư phạm tiếng Đức

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
<b>Tổng tín chỉ tích lũy</b>			<b>13</b>	

**CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**

**Năm học 2018-2019**

Học Kỳ 1				
STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	GER4021	Tiếng Đức 1A	4	8
8	GER4022	Tiếng Đức 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
<b>Cộng</b>			<b>15</b>	<b>23</b>

Học Kỳ 2				
STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	GER4023	Tiếng Đức 2A	4	8
12	GER4024	Tiếng Đức 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>24</b>

**Năm học 2019-2020**

Học Kỳ 3				
STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8
15	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8
16	GER4027B	Tiếng Đức 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
<small>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc 5)</small>				
<b>Cộng</b>			<b>16-18</b>	<b>25-27</b>

Học Kỳ 4				
STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8
20	GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8
21	GER4030B	Tiếng Đức 4C (tổ chức theo đợt cụ thể)	4	4
22	PSF3007	Tâm lý học	3	3
23-24		<b>Học phần tự chọn (Khối II)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	GER1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
<b>Cộng</b>			<b>11-21</b>	<b>19-29</b>

**Năm học 2020-2021**

Học Kỳ 5				
STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
26	GER4030	Tiếng Đức 4C (tổ chức theo đợt cụ thể)	4	4
27	GER3026	Lý luận giảng dạy tiếng Đức	3	3
28	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
29	PSF3008	Giáo dục học	3	3
30	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
31	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<small>(Sinh viên đã tích lũy HP tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</small>				
<b>Cộng</b>			<b>15-17</b>	<b>15-17</b>

Học Kỳ 6				
STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
32	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
33	GER3035	Phương pháp giảng dạy tiếng Đức	3	3
34	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước & quản lý giáo dục	2	2
34-35		<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ	3	3
<small>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc/và 7)</small>				
36-38		<b>Học phần tự chọn (V.2.1)</b>	<b>9</b>	<b>9</b>
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3
	GER3032	Phương pháp giảng dạy đất nước học và giao tiếp văn hóa	3	3
	GER3022	Giảng dạy ngoại ngữ định hướng hành động	3	3
<small>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối V.2.1 ở HK6 hoặc/và 7)</small>				
<b>Cộng</b>			<b>8-23</b>	<b>8-23</b>

**Năm học 2021-2022**

